

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2025 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 588/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Thái Trường E, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Văn H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Bà Thái Kim L, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Quách Mỹ P (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Lữ Thị T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Ông Châu Ngọc T1, sinh năm: 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Ông Lê Văn C; Sinh năm: 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C:* Ông Nguyễn Hải D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Ông Phan Văn B (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấ, xã S, tỉnh Cà Mau.

- Ông Thái Văn M (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Thái Thị H1, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Võ Thị L1, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm F, xã S, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Phòng giao dịch Ngân hàng C3 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Cà Mau.

- Bà Phạm Thị P1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Lê Hồng D1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Cẩm C1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị C2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bà Huỳnh Thị M1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Ông Huỳnh Văn K (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thúy V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E thành hôn với nhau năm 2006, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng dần dần xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không

thể hàn gắn đoàn tụ nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Thái Trường E.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E có 02 người con chung tên Thái Thị Kim H3, sinh ngày 18/12/2007 (đã trưởng thành) và Thái Vĩnh P2, sinh ngày 03/02/2014 bà V đang nuôi dưỡng. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Thái Vĩnh P2 sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông E có nợ các khoản gồm: Nợ tiền vay ông Huỳnh Văn K 5.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Huỳnh Thị M1 là 15.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị C2 16.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị Cẩm H2 12.000.000 đồng. Nợ tiền mượn bà Nguyễn Cẩm C1 5.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Lê Hồng D1 15.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Phạm Thị P1 19.280.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng. Nợ tiền vay Phòng giao dịch Ngân hàng C3 20.000.000 đồng. Nợ tiền mượn bà Nguyễn Thị N 60.000.000 đồng. Nợ tiền vay bà Thái Thị H1 01 chỉ vàng 24k. Đối với các khoản nợ ông Thái Trường E kê khai bà V thừa nhận lúc chung sống có nợ bà yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung. Riêng nợ bà Thái Thị H1 chị chỉ thừa nhận còn nợ 01 chỉ vàng 24K. Nợ ông Võ Văn H đã trả xong nên không đồng ý trả lại cho ông E 10.000.000 đồng. Đối với khoản nợ bà Lữ Thị T bà thừa nhận có nợ nhưng không biết nợ bao nhiêu.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2025 bị đơn ông Thái Trường E trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Thái Trường E thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thúy V về thời gian chung sống và việc có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà V trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau và không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà V.

- Về con chung: Ông Thái Trường E và bà Nguyễn Thúy V có 02 người con chung tên Thái Thị Kim H3, sinh ngày 18/12/2007 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu xem xét; Thái Vĩnh P2, sinh ngày 03/02/2014 bà V đang nuôi dưỡng. Ông thống nhất giao 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ tiền vay bà Võ Thị L1 3.000.000 đồng. Nợ bà Thái Thị H1 02 chỉ vàng 24k. Nợ tiền hụi ông Thái Văn M 8.500.000 đồng. Nợ tiền vay ông Phan Văn B 4.000.000 đồng. Nợ tiền vay ông Lê Văn C 4,500.000 đồng. Nợ tiền hụi ông Châu Ngọc T1 5.000.000 đồng. Nợ tiền hụi bà Quách Mỹ P 10.000.000 đồng. Nợ tiền hụi và vay bà Thái Kim L 31.000.000 đồng. Nợ tiền vay ông Võ Văn H 20.000.000 đồng (Đối với số tiền này ông đã trả xong, ông yêu cầu chị V trả lại cho ông 10.000.000 đồng). Nợ tiền Phòng giao dịch Ngân hàng C3 20.000.000 đồng. Đối với khoản nợ bà Lữ Thị T ông không biết nợ bao nhiêu.

Theo đơn yêu cầu ngày 28 tháng 5 năm 2025 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông Nguyễn Hải D trình bày:

Tháng 12/2020 ông C có cho ông Thái Trường E vay số tiền 5.000.000 đồng theo thỏa thuận đến cuối năm 2021 trả vốn và lãi số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi vay có trả được 500.000 đồng, còn nợ số tiền 6.500.000 đồng đến nay chưa trả. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C xác định số tiền còn nợ 6.500.000 đồng là nợ chung của ông E, bà V nên yêu cầu ông E, bà V có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền 6.500.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng C3; bà Thái Thị H1; bà Nguyễn Thị N; ông Châu Ngọc T1; bà Thái Kim L; bà Võ Thị L1 có đơn không yêu cầu trả tiền trong vụ án này.

Ông Võ Văn H, bà Quách Mỹ P, bà Lữ Thị T, ông Phan Văn B, ông Thái Văn M, bà Phạm Thị P1, bà Lê Hồng D1, bà Nguyễn Cẩm C1, bà Nguyễn Thị Cẩm H2, bà Nguyễn Thị C2, bà Huỳnh Thị M1, ông Huỳnh Văn K. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thúy V. Về con chung: Giao con chung tên Thái Vĩnh P2, sinh ngày 03/02/2014 cho bà Nguyễn Thúy V nuôi dưỡng; bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C. Bà Nguyễn Thúy V, ông Thái Trường E có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền 6.500.000 đồng. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thái Trường E có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy V khởi kiện xin ly hôn với ông Thái Trường E nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, bà P1, bà T, ông B, ông M, bà P1, bà D1, bà C1, bà H2, bà C2, bà M1, ông K nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Phòng C3 (xin không tham gia tố tụng); bà Thái Thị H1; bà Nguyễn Thị N; ông Châu Ngọc T1; bà Thái Kim L; bà Võ Thị L1 xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E thành hôn với nhau năm 2006, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2013 ngày 30 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay xã P, tỉnh Cà Mau) cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà V trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thúy V và ông Thái Trường E có 02 người con chung tên Thái Thị Kim H3, sinh ngày 18/12/2007 (đã trưởng thành); Thái Vĩnh P2, sinh ngày 03/02/2014 bà V đang nuôi dưỡng. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Thái Vĩnh P2 sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy Thái Vĩnh Phát H4 do bà V nuôi dưỡng và nguyện vọng của Thái Vĩnh P2 sống với bà V. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Thái Vĩnh P2 cho bà Nguyễn Thúy V nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về nợ chung: Xét yêu cầu độc lập ông Lê Văn C: Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C xác định: Ông Thái Trường E và bà Nguyễn Thúy D2 còn nợ số tiền vay 6.500.000 đồng đến nay chưa trả, là nợ chung của ông E, bà V nên yêu cầu ông E, bà V có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền 6.500.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy tại phiên tòa bà V thừa nhận nợ và xác định là nợ chung của vợ chồng, bà đồng ý cùng ông E trả cho ông C số tiền 6.500.000 đồng. Như vậy yêu cầu của ông C là có căn cứ nên cần buộc bà V, ông E trả cho ông C số tiền 6.500.000 đồng là phù hợp.

Xét đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu nên tách ra không xem xét.

[7] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C không phải chịu án phí; ông C không có nộp tạm ứng án phí thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thúy V, bà V được ly hôn với ông Thái Trường E.

Về con chung: Giao Thái Vĩnh P2, sinh ngày 03/02/2014 cho bà Nguyễn Thúy V nuôi dưỡng. Ông Thái Trường E không phải cấp dưỡng nuôi con, ông E có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn C. Buộc ông Thái Trường E và bà Nguyễn Thúy V có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền 6.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn, bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình nguyên đơn bà Nguyễn Thúy V phải chịu 300.000 đồng, bà V có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003863 ngày 26/02/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thúy V, bị đơn ông Thái Trường E phải chịu 325.000 đồng.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân